



Hoà Thượng

THÍCH THIỆN MINH

HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN MINH (1922 – 1978)

Hòa thượng Thích Thiện Minh, thế danh Đỗ Xuân Hàng, pháp danh Thiện Minh, pháp hiệu Thích Trí Nghiễm. Sinh năm Nhâm Tuất (1922) tại làng Bích Khê, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Gia đình Ngài thuộc tầng lớp thức giả, thân phụ là ông Đỗ Xuân Quang, có làm việc làng, được phong Cửu Phẩm Văn Giai. Thân mẫu là bà Hoàng Thị Nhơn. Ngài là người thứ năm trong tám anh chị em (1).

Năm Tân Mùi (1931), khi mới 10 tuổi, Ngài được song thân cho phép xuất gia tu học. Khi ấy phong trào chấn hưng Phật giáo đang được phát động rầm rộ tại Trung kỳ và Hội An Nam Phật Học được thành lập tại Huế năm 1932. Do đó, Ngài thừa hưởng được những thuận duyên để vun bồi cho sự tu học ngay từ bước đầu. Năm Giáp Tuất (1934) Hòa thượng Giác Tiên cùng đệ tử thân tín của Hòa thượng là Ngài Mật Khê đứng ra tổ chức, thành lập trường An Nam Phật Học tại chùa Trúc Lâm, thu nhận chỉ 50 học Tăng, được tuyển chọn rất kỹ từ nhiều nơi, trong đó có Ngài.

Vốn có tư chất thông minh lại tinh tấn tu học, suốt thời gian theo học tại trường An Nam Phật Học, từ bậc Tiểu học, lên Cao đẳng và Đại học Phật giáo, Ngài đều gặt hái được kết quả tốt đẹp. Nơi đây, tài hùng biện thu hút người nghe được bộc lộ mỗi khi Ngài đăng đàn diễn thuyết, nên Ngài được chư Tôn đức giám quản luôn khen ngợi.

Năm Quý Mùi (1943), Ngài tốt nghiệp Đại học Phật giáo chuẩn bị nhận lãnh trọng trách hoằng pháp lợi sanh, thì tình hình trong nước có biến động dồn dập. Đảo chính Nhật (9.3.1945) rồi Cách mạng Tháng tám và Nam bộ Kháng chiến (23.9.1945)... Tất cả các hoạt động của Phật giáo cũng chịu nhiều ảnh hưởng, phải ngưng hoạt động. Không ít Tăng sĩ và Phật tử đã lao vào cuộc kháng chiến chống thực dân, cứu nước. Các học Tăng tốt nghiệp xuất sắc cùng khóa với Ngài có Hòa thượng Trí Quang, Trí Thuyên... cũng không ngần ngại dấn thân vào các tổ chức cứu nước. Ngài hăng hái phụ trách Ủy Ban Phật Giáo Cứu Quốc tại tỉnh Quảng Trị, nhờ tri kiến uyên thâm và tài hùng biện vô ngại, Ngài đã vận động được sự ủng hộ từ nhiều phía đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến.

Năm Bính Tuất (1946) đến năm Đinh Hợi (1947), nhiều tổ chức kháng chiến tại Huế tan vỡ, quân viễn chinh Pháp tràn ra Quảng Trị, Quảng Bình, gây nhiều tang tóc bi thương. Ngài bị Pháp bắt giam một thời gian. Sau đó vội vàng về Huế, Ngài cùng với nhiều vị khác khôi phục lại các hoạt động Phật giáo.

Năm Đinh Hợi (1947), sau khi trợ duyên cùng Hòa thượng Trí Thủ khai giảng Phật học đường Trung Việt tại chùa Báo Quốc (Huế), Ngài cũng kịp lúc góp sức cùng các Hòa thượng Mật Hiển, Mật Nguyên vận động thành lập Sơn môn Tăng già Trung Việt.

Năm Kỷ Sửu (1949), Ngài được phân công đi vào phía Nam Trung Việt và Cao nguyên, khôi phục và thành lập lại các Tỉnh hội. Ngài đã xây dựng được nhiều cơ sở vững chắc cho Hội An Nam Phật Học tại các tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

Năm Tân Mão (1951), Giáo Hội Tăng Già Trung Việt được thành lập tại Huế. Đây là nơi gặp gỡ thường xuyên của các vị lãnh đạo để bàn bạc những vấn đề thiết yếu cho Phật giáo. Và chỉ một năm sau tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc được thành lập. Tại đại hội quan trọng này Ngài được bầu vào Chủ tọa đoàn điều khiển các cuộc thảo luận.

Trong thời gian làm Phật sự tại miền Nam Trung Việt và Cao nguyên. Ngài thường xuyên viết bài cộng tác với Tạp chí Viên Âm do Hòa thượng Trí Quang làm chủ bút. Ngài còn làm chủ nhiệm tạp chí Hướng Thiện xuất bản tại Đà Lạt năm 1950. Trong thời gian tại Khánh Hòa, Ngài đã làm Trị sự trưởng Tỉnh Giáo Hội một thời gian dài, đã đóng góp rất nhiều trong việc xây dựng các cơ sở chi hội tại các quận và các khuôn hội tại Thị xã Nha Trang. Đặc biệt khuôn hội Linh Thửu gồm đa số đồng bào di cư ở khu Xóm Mới đã được Ngài trực tiếp hướng dẫn đi đầu đất trong những ngày đầu. Từ nơi này, Ngài cũng có công sức rất lớn cho việc nuôi dưỡng và hình thành Phật Học Viện Hải Đức (Nha Trang).

Năm Kỷ Hợi (1959), tại đại hội của Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần được tổ chức tại Huế, Ngài được suy cử làm Trị sự trưởng Tổng Hội, cho đến năm Nhâm Dần (1962) thì Hòa thượng Trí Quang lên thay để Ngài lãnh trọng trách khác.

Năm Quý Mão (1963), đây là thời điểm mà bất kỳ một Tăng sĩ hay Phật tử nào có nhiệt tâm, lòng thành mến đạo, đều ưu tư và lo góp phần mình trong công cuộc chống kỳ thị tôn giáo của chính thể Ngô Đình Diệm. Ngài đã cùng Ban Trị Sự Tổng Hội, dưới sự lãnh đạo tối cao của Đại lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, phát động phong trào đấu tranh, đòi thực thi năm nguyện vọng đã lập thành kiến nghị đề ngày 10.5.1963. Sau đó, Ngài cùng Hòa thượng Trí Quang cung thỉnh Hòa Thượng Hội Chủ vào Sài Gòn để chuyển cuộc đấu tranh trực tiếp với chính thể Ngô Đình Diệm, và nơi này Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo được thành lập, Ngài là một trong năm thành viên ở ngôi vị cố vấn.

Sau khi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, chính thể Ngô Đình Diệm hốt hoảng, yêu cầu Ủy Ban Liên Phái cử phái đoàn đến để thương thuyết. Ngài được cử làm Trưởng đoàn trong lần thương thuyết này. Trước sự việc còn đang gây nên nhiều làn sóng đấu tranh, phản uất, Trần Lệ Xuân lại còn mô tả hành động tự thiêu của Ngài Quảng Đức với những lời lẽ khiếm nhã nhất, Ngài bình tĩnh khôn ngoan đối chất với Ủy Ban Liên Bộ, dùng khả năng hùng biện, lý lẽ vững chắc, Ngài đã thẳng thừng lên án chính phủ dồn họ vào thế phải ký bản Thông Cáo Chung. Mặc dù bản Thông Cáo Chung này chỉ là kế hoãn binh để Ngô Đình Diệm chuẩn bị một kế hoạch thâm độc hơn, đó là kế hoạch “Nước lũ” và nó đã được thực hiện vào đêm 20.8.1963. Rất nhiều chùa chiền bị bao vây và Chư tôn giáo phẩm bị bắt bớ, đánh đập trong đó có Hòa thượng Hội chủ Tịnh Khiết, Ngài cũng cùng chung số phận ngay trong đêm đáng nhớ ấy.

Ngày 1-11-1963, Tướng Dương Văn Minh cùng các tướng lãnh quân đội nổi dậy lật đổ Ngô Đình Diệm, mọi tai họa dành riêng cho một tôn giáo lớn của dân tộc mới hoàn toàn chấm dứt.

Năm Giáp Tuất (1964), Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập với ngày Lễ Phật Đản huy hoàng chưa từng có tại Việt Nam được thể hiện bằng lễ đài hùng vĩ ngay tại Bến Bạch Đằng Sài Gòn. Trong tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất này, Ngài được suy cử làm Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Tổng vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên.

Với cương vị mới mẻ và quan trọng này, Ngài đã vận động từ mọi nơi, xây dựng nên Trung tâm Quảng Đức ở số 294 đường Công Lý (nay là Nam Kỳ Khởi Nghĩa). Đây là trụ sở của Tổng Vụ Thanh Niên và trụ sở của các Vụ trực thuộc như Gia đình Phật tử, Hướng Đạo Phật giáo, Thanh Niên Phật tử, Sinh Viên Phật tử, Học Sinh Phật tử, Thanh Niên Thiện chí Phật tử ... Nơi đây còn là Trung Tâm Văn Hóa

Xã Hội hoạt động rất sôi nổi của Giáo Hội. Đồng thời, còn là nơi xuất phát nhiều cuộc đấu tranh đòi dân chủ trong nửa cuối thập niên 60. Khi vừa hoàn thành xong công trình to lớn này, Ngài được Giáo hội cử làm Trưởng Đoàn Phật Giáo Việt Nam đi dự Hội Nghị Phật Giáo Thế Giới được tổ chức tại Nhật Bản.

Những năm cuối thập niên 60, phong trào đấu tranh đòi thực hiện Quốc Hội Lập Hiến, Dân Chủ Dân Sinh bùng nổ khắp mọi nơi. Ở miền Trung (Đà Nẵng) vào ngày 15 tháng 5 năm 1966 trước làn sóng đấu tranh của Phật Giáo, 2.000 lính dã chiến đã bao vây chùa chiền. Cuộc đổ máu đã diễn ra bởi sự đàn áp của quân đội từ Sài Gòn ra với các cánh quân địa phương. Hơn 600 Tăng Ni, Phật tử chết và 1.000 người khác bị thương. Trước tình hình đó, Hòa thượng Trí Quang hô hào tiến hành cuộc đấu tranh bất bạo động, và một trong nhiều hình thức bất bạo động được Hòa Thượng Trí Quang chỉ thị là “thỉnh Phật xuống đường”. Những việc làm đó để hỗ trợ cho cuộc đối đầu của Ngài Thiện Minh ở Sài Gòn.

Nhân danh Chủ tịch các lực lượng đấu tranh và Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên, Ngài đã gặp trực tiếp hai tướng Thiệu-Kỳ đưa ra những yêu sách đấu tranh. Đó là ngày 28.5.1966, hai tướng này hứa ngày hôm sau phúc đáp. Ngài hướng dẫn phái đoàn ra về hẹn lại hôm sau. Riêng Ngài sau khi báo cáo kết quả cùng Viện Hóa Đạo và các phong trào do Ngài làm Chủ tịch, Ngài một mình đi bằng Taxi về Trung Tâm Quảng Đức. Ngài vừa đặt chân xuống lề đường ngay trước cổng Trung Tâm thì một quả lựu đạn nổ ngay chỗ Ngài vừa bước ra. Rất may Ngài chỉ bị thương tật ở chân. Ngay chiều hôm sau, các vị khác thay mặt Ngài vào gặp hai tướng Thiệu – Kỳ thì được trả lời bằng thái độ tráo trở “không nhượng bộ nữa”.

Từ cuộc ám sát đó, sức khỏe của Ngài giảm sút thấy rõ. Mọi hoạt động của Ngài như mất dần kết quả nguyên vẹn. Tuy nhiên, Ngài cũng không kém quyết liệt trước mọi tình huống xảy ra, vẫn tiếp tục lãnh đạo Giáo Hội cùng Chư tôn đức khác.

Năm 1971, Ngài được cử làm Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, đây là giai đoạn Viện Hóa Đạo bị phân hóa trầm trọng, Ngài đã góp phần ổn định, lèo lái vượt qua, ngay cả những năm ác liệt nhất của chiến tranh.

Năm 1972, khi Hòa thượng Thiện Hoa viên tịch, Ngài phải ra đảm đương chức Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, cho đến khi tổ chức được Đại Hội Phật Giáo kỳ 4, Hòa thượng Trí Thủ nhận chức Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Ngài mới rút về làm cố vấn cho Viện Hóa Đạo mà thôi.

Thời gian sau đó, vì sức khỏe, Ngài phải hạn chế hoạt động, trao lại chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên dù chưa có người thay, do đó Viện Hóa Đạo đã đặc cách quyền Tổng Vụ Trưởng cho Đại Đức Giác Đức cho đến năm 1975. Sau đại hội kỳ 7 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Ngài được mời làm Cố Vấn Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo (năm 1976).

Sự kiện ngài tiếp tục bị nhà cầm quyền Cộng Sản bắt giam và lưu đày ra trại cải tạo Hàm Tân, Thuận Hải đến tháng 10 năm 1978. xã báo thân nơi vòng lao lý cho đến nay vẫn còn là một nghi án mà GHPGVNTN bắt nhà nước CS phải làm minh bạch cái chết của Ngài.

Hòa thượng Thiện Minh trụ thế được 56 năm và 36 năm hành đạo.

Chùa Thuyền Tôn (Huế) đã lập tháp vọng thờ Ngài với ngày kỷ niệm tưởng nhớ công ơn là 15 tháng 9 âm lịch.